

Số: 52 /2012/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 01 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Phát triển rừng ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của chính phủ về
Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/09/2010 của chính phủ về
chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An tại Tờ trình số
1019/NN.KHTC ngày 17/5/2012, Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản
số 925/BCTĐ-STP ngày 30/7/2012,

QUYẾT ĐỊNH:


Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

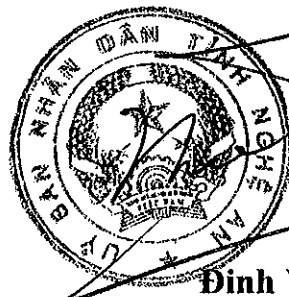
Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài
chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Công thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị
có liên quan; Chủ tịch và các thành viên hội đồng quản lý Quỹ, Trưởng Ban và các
thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An
chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

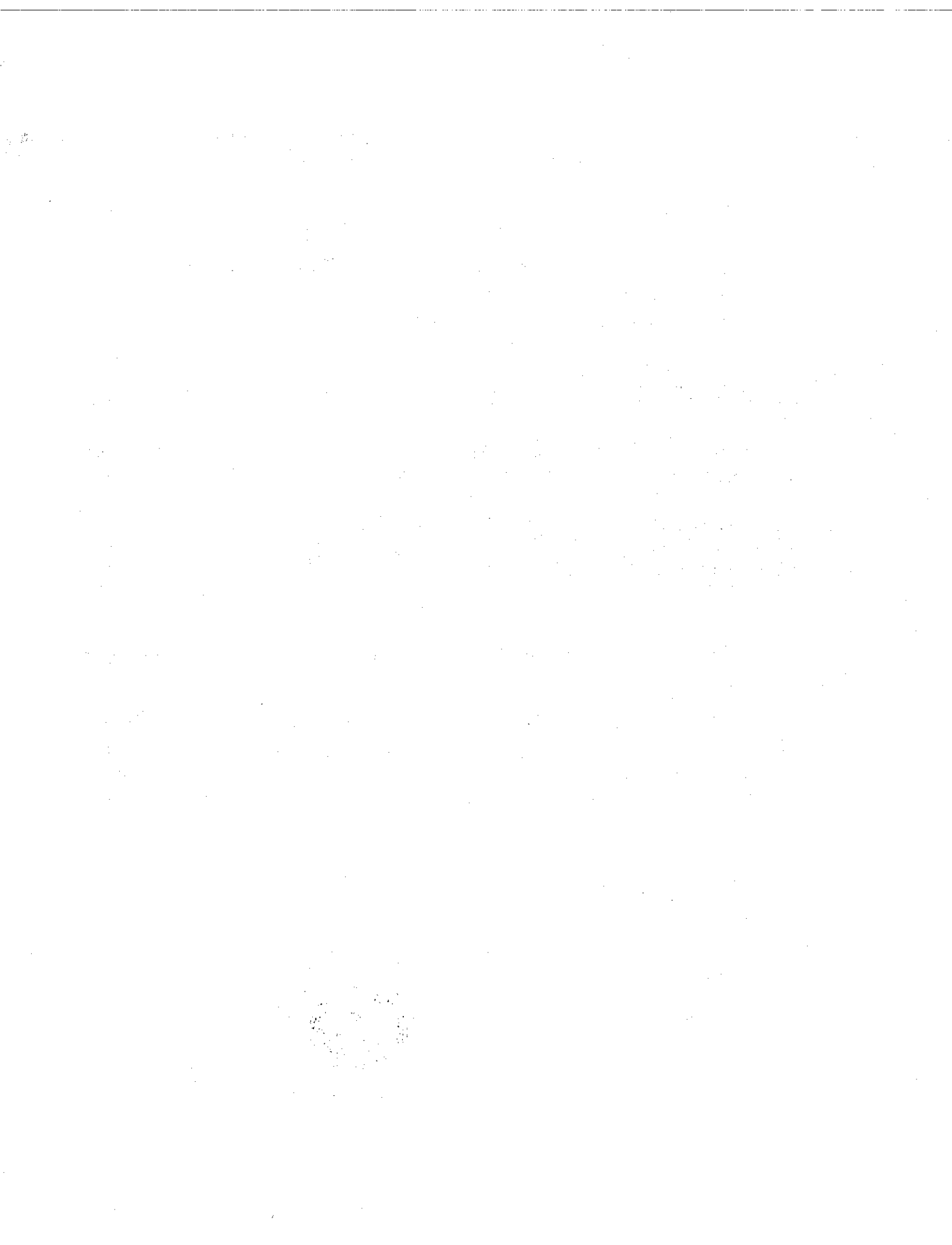
- Như Điều 2;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (đề b/c);
- Cục kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp (đề b/c);
- Quỹ BVPTR TW (đề b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (đề b/c);
- CVP, PVPTC;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- Lưu: VTUB, CVNN.

30 bản 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Việt Hồng



ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An
(Ban hành kèm theo Quyết định Số 52 /2012/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân tỉnh Nghệ An)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An, theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Vị trí pháp lý của Quỹ

1. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An (sau đây gọi tắt là Quỹ) là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và chịu sự kiểm tra, giám sát về tài chính của Sở Tài chính; được thành lập theo Quyết định Số 69/2011/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2011 của UBND tỉnh Nghệ An;

2. Trụ sở của Quỹ: Số 45A, Đường Tân Phúc, Phường Hưng Phúc, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An;

3. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An;

4. Tên giao dịch quốc tế của Quỹ: Nghe An Provinces Forest Protection and Development Fund (Nghe An PFPDF);

5. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại kho bạc nhà nước và các ngân hàng trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập của Quỹ

a) Huy động các nguồn lực của xã hội nhằm tăng cường các nguồn vốn đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hóa nghề rừng;

b) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng;

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn Nhà nước cấp ban đầu, phát triển sử dụng các nguồn vốn hợp pháp khác theo đúng mục tiêu;

b) Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách Nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư cho bảo vệ và phát triển rừng;

c) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận nguồn vốn ngân sách tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ; huy động các nguồn vốn trung và dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn;

2. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và quy định khác của pháp luật;

3. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác;

4. Thực hiện đầu tư hoặc hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP; Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2010/NĐ-CP) và các quy định khác của Trung ương, UBND tỉnh.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ của Quỹ

a) Vận động, tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc; nguồn viện trợ, tài trợ, đóng góp tự nguyện, ủy thác của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước; nguồn tài chính bố trí từ ngân sách của Nhà nước;

b) Tổ chức thẩm định, xét chọn chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án để phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc quyết định hỗ trợ đầu tư;

c) Hỗ trợ tài chính cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án;

d) Chỉ đạo, hướng dẫn các đối tượng được hưởng nguồn tài chính do Quỹ hỗ trợ theo đúng quy định;

- d) Thực hiện các quy định của Pháp luật về thống kê, kế toán và kiểm toán;
e) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao hoặc quy định.

2. Quyền hạn của Quỹ

- a) Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm đã được phê duyệt;
b) Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ;
c) Tham mưu UBND tỉnh đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan;
d) Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng, hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Chương III NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Vốn ngân sách Nhà nước do tỉnh Nghệ An hỗ trợ ban đầu khi thành lập là: 10.000.000.000 VNĐ (Mười tỷ đồng chẵn);

2. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Điều 10, Nghị định số 05/2008/NĐ-CP bao gồm:

a) Đóng góp của chủ rừng khi còn khai thác, kinh doanh gỗ trong những trường hợp sau:

- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng;
- Tổ chức kinh tế được Nhà nước giao rừng sản xuất có thu tiền sử dụng rừng hoặc nhận chuyển nhượng rừng nhưng tiền sử dụng rừng, tiền chuyển nhượng rừng đã trả có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước;

- Hộ gia đình, cá nhân được giao rừng sản xuất không thu tiền sử dụng rừng.

b) Đóng góp của các cơ sở kinh doanh cảnh quan, nghỉ dưỡng dịch vụ sinh thái - môi trường rừng;

c) Đóng góp từ các dự án đầu tư phải khai thác rừng để giải phóng mặt bằng và có yêu cầu phải trồng lại rừng nhưng không có điều kiện.

3. Nguồn thu từ các đối tượng và loại dịch vụ phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng quy định tại Điều 7, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng bao gồm:

a) Các cơ sở sản xuất thủy điện phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ đất, hạn chế xói mòn và bồi lắng lòng hồ, lòng sông, lòng suối; về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất thủy điện;

b) Các cơ sở sản xuất và cung ứng nước sạch phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất nước sạch;

c) Các cơ sở sản xuất công nghiệp có sử dụng nước trực tiếp từ nguồn nước phải chi trả tiền dịch vụ về điều tiết và duy trì nguồn nước cho sản xuất;

d) Các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ du lịch có hưởng lợi từ dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ về bảo vệ cảnh quan tự nhiên và bảo tồn đa dạng sinh học của các hệ sinh thái rừng phục vụ cho dịch vụ du lịch;

đ) Các đối tượng phải trả tiền dịch vụ môi trường rừng cho dịch vụ hấp thụ và lưu giữ Cacbon của rừng; dịch vụ cung ứng bãi đẻ, nguồn thức ăn và con giống tự nhiên, sử dụng nguồn nước từ rừng cho nuôi trồng thủy sản;

4. Nguồn tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

5. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước; từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác;

6. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

Đối tượng và nội dung được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP bao gồm:

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trong nước có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ bao gồm:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng;

b) Thử nghiệm, phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững;

c) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt, phá rừng và sản xuất kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép;

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới;

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán, trồng rừng và bảo vệ rừng;

e) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp;

g) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở;

h) Thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

3. Đối tượng được chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 16, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án đảm bảo các điều kiện được quy định tại Điều 13, Nghị định 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 cụ thể:

a) Các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án nằm trong quy định tại Khoản 2, Điều 7 của Điều lệ này và phải được cấp có thẩm quyền quyết định;

b) Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

c) Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ;

d) Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn theo quy định của UBND tỉnh hoặc thỏa thuận giữa Quỹ và bên nhận hỗ trợ nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

2. Các đối tượng thụ hưởng chính sách chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng đảm bảo theo quy định tại Điều 8, Nghị định 99/2010/NĐ-CP.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

2. UBND tỉnh quy định cụ thể trình tự, thủ tục, đối tượng được hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn tùy theo từng loại chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án; đồng thời quy định mức hỗ trợ, thời gian hoàn trả khoản hỗ trợ, các trường hợp được xét miễn, giảm khoản kinh phí phải hoàn trả;

3. Danh mục các nội dung được ưu tiên nhận tiền hỗ trợ từ Quỹ:

a) Bảo vệ rừng;

b) Trồng rừng;

c) Nghiên cứu, triển khai các biện pháp giảm thiểu, phòng chống, khắc phục ô nhiễm; suy thoái và sự cố về môi trường rừng;

d) Nghiên cứu thử nghiệm công tác bảo tồn đa dạng sinh học;

đ) Truyền thông, giáo dục nâng cao nhận thức môi trường rừng;

e) Các dự án, chương trình và hoạt động khác do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo trình tự ưu tiên và phù hợp với từng thời kỳ.

Điều 10. Tài trợ và đồng tài trợ

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tài trợ cho tổ chức, cá nhân có các chương trình, dự án về hoạt động bảo vệ và phát triển rừng cụ thể như sau:

a) Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ và phát triển môi trường rừng; phổ cập kiến thức bảo vệ môi trường rừng cho cộng đồng; chương trình bảo vệ và phát triển rừng;

b) Dự án thử nghiệm, phổ biến các mô hình cộng đồng bảo vệ rừng; giao rừng cho cộng đồng theo các phương án, đề án được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt;

c) Đào tạo, chuyển giao công nghệ khai thác, bảo vệ và phát triển rừng, môi trường rừng; các giải pháp phòng tránh, hạn chế và khắc phục sự cố hủy hoại môi trường rừng;

2. Quỹ được hợp tác với tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đồng tài trợ chính cho các hoạt động về bảo vệ và phát triển rừng, môi trường rừng theo quy định và phù hợp với cam kết của phía đồng tài trợ;

3. Mức tối đa Quỹ được sử dụng hàng năm để tài trợ và đồng tài trợ; không hoàn lại để thực hiện các hoạt động về nhiệm vụ bảo vệ môi trường rừng do Quỹ lập kế hoạch hàng năm trình Hội đồng quản lý Quỹ xem xét, quyết định.

Điều 11. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác

a) Quỹ tiếp nhận ủy thác tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Điều 13 Nghị định 99/2010/NĐ-CP;

b) Quỹ được nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác;

c) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

2. Ủy thác

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện các nội dung ủy thác theo hợp đồng ủy thác;

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác được ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH QUỸ

Điều 12. Tổ chức bộ máy

Bộ máy quản lý và điều hành Quỹ gồm: Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ.

Điều 13. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là cơ quan đại diện cao nhất của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Nghệ An, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An quyết định thành lập. Hội đồng có 07 thành viên, mỗi thành viên được gọi là một ủy viên Hội đồng:

- Chủ tịch Hội đồng là Phó Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An;
- Phó Chủ tịch Hội đồng là một đồng chí lãnh đạo Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Các thành viên Hội đồng là đại diện lãnh đạo các Sở, Ngành: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Tài chính; Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Sở Tài nguyên và Môi Trường;

- Các thành viên hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm và được hưởng chế độ theo quy định của Nhà nước và Điều lệ Quỹ;

2. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng ban kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh chị em ruột giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán tài vụ, thủ quỹ, thủ kho của Quỹ;

3. Nhiệm kỳ của các thành viên Hội đồng không quá 05 năm. Thành viên Hội đồng có thể được bổ nhiệm lại theo quy định. Việc bổ nhiệm lại, miễn nhiệm thành viên Hội đồng do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định theo đề xuất của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực mà Nhà nước giao cho Quỹ;

2. Ban hành các loại quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ;

3. Trình UBND tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án và các hoạt động phi dự án mà Quỹ hỗ trợ;

4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật đối với các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát;

5. Ủy quyền Giám đốc Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn thuộc thẩm quyền của Hội đồng. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm trong phạm vi được ủy quyền. Hội đồng chịu trách nhiệm cuối cùng đối với các nội dung ủy quyền;

6. Thông qua định hướng phát triển và kế hoạch hoạt động hàng năm của Quỹ;

7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước UBND tỉnh và trước pháp luật;

8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo ủy quyền của UBND tỉnh nhưng không trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP;

9. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, định kỳ 3 tháng họp một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Khi cần thiết, Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội

đồng quản lý Quỹ, đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng Ban kiểm soát Quỹ hoặc các Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận;

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi ít nhất có 2/3 số ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự. Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt phải thông báo lý do. Cuộc họp do chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc một ủy viên khác được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt, làm Chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách, việc xin ý kiến các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được thực hiện bằng văn bản;

3. Tài liệu họp do Giám đốc Quỹ chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ (Sau khi xin ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) trước khi họp tối thiểu 2 ngày làm việc. Nội dung các cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản cuộc họp;

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng quản lý Quỹ có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng sẽ theo ý kiến trên phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo lên chủ tịch UBND tỉnh;

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đó. Giám đốc Quỹ cũng có quyền đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ xem xét lại, hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo lên Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc chủ tịch UBND tỉnh, nhưng trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng quản lý Quỹ hay Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc của chủ tịch UBND tỉnh thì vẫn phải chấp hành các Nghị quyết, Quyết định đó của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thay mặt Hội đồng cùng Giám đốc Quỹ ký nhận các nguồn kinh phí do Nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác giao cho Quỹ;

2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 14 Điều lệ này;

3. Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền, ký các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ

tịch Hội đồng quản lý Quỹ có thể ủy quyền bằng văn bản cho một Ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ ký thay;

4. Tổ chức thực hiện, theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ;

5. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc ủy viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ về công việc được ủy quyền;

6. Đánh giá hiệu quả công việc của từng thành viên cũng như Hội đồng quản lý Quỹ ít nhất mỗi năm một lần, xác nhận với chủ tịch UBND tỉnh và Quỹ Trung ương về kết quả đánh giá mức độ đạt yêu cầu đối với từng thành viên trước khi thành viên đó được tái bổ nhiệm;

7. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Tổ chức của Ban Kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát Quỹ có 3 thành viên, giúp Hội đồng quản lý Quỹ giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Thành viên ban Kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm;

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định cử, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định cử theo đề nghị của Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt. Ngoài ra, Ban Kiểm soát Quỹ còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Giám sát, kiểm tra hoạt động của Quỹ để kịp thời phát hiện và báo ngay với Hội đồng quản lý Quỹ và trong trường hợp cần thiết thì báo cáo cho Chủ tịch UBND tỉnh về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ;

2. Tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Quỹ; yêu cầu Hội đồng quản lý Quỹ, Bộ máy điều hành Quỹ cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Quỹ;

3. Đề xuất và kiến nghị lên Hội đồng quản lý Quỹ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, các quy chế, điều hành hoạt động của Quỹ nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ;

4. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận;

5. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ phải chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi

vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng quản lý Quỹ;

6. Trường hợp đột xuất, vì lợi ích của Quỹ và trách nhiệm của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có quyền báo cáo trực tiếp với Chủ tịch Hội đồng và Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT.

Điều 19. Tổ chức và hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ gồm:

- Giám đốc Quỹ;
- Phó Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Phòng chuyên môn, nghiệp vụ:
 - + Phòng Hành chính - Tổng hợp;
 - + Phòng Nghiệp vụ Quản lý quỹ.

2. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ làm việc theo chế độ chuyên trách biên chế được UBND tỉnh giao theo kế hoạch hàng năm. Trước mắt năm 2011 được giao 8 biên chế;

3. Lãnh đạo và các cán bộ, viên chức làm nhiệm vụ chuyên môn tại các phòng ban theo quy định của Điều lệ và do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, phân công, bố trí;

4. Các phòng ban có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do giám đốc Quỹ giao, chịu trách nhiệm trước Giám đốc quỹ và pháp luật thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

Giám đốc Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tổ tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

2. Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm, xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua;

3. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan;

4. Căn cứ các quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh, Quỹ Trung ương ban hành để ban hành các quy định về hoạt động nghiệp vụ của Quỹ;

5. Thực hiện việc bố trí, đào tạo và quyết định bổ nhiệm cán bộ theo quy định hiện hành. Ngoài ra, căn cứ yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ được giao, Giám đốc Quỹ được hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật;

6. Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng quản lý Quỹ, Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính, UBND tỉnh, Quỹ Trung ương;

7. Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

8. Trong trường hợp Giám đốc Quỹ vắng mặt, phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó giám đốc Quỹ điều hành hoạt động của Bộ máy điều hành Quỹ;

9. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP.

Điều 21. Phó Giám đốc Quỹ

Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định hiện hành; là người giúp cho Giám đốc điều hành Quỹ, được phân công quản lý, điều hành một số lĩnh vực hoạt động của Quỹ; chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được phân công.

Điều 22. Kế toán trưởng Quỹ

Kế toán trưởng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định hiện hành; là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ đồng thời là kiểm soát viên của Nhà nước, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, UBND tỉnh và trước pháp luật về phần việc được giao.

Điều 23. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ,

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát và Bộ máy điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý Quỹ theo quy định hiện hành;

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành đối với đơn vị sự nghiệp;

3. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm hiện hành.

Điều 24. Mối quan hệ với Quỹ Trung ương và Quỹ cấp dưới

1. Đối với Quỹ Trung ương:

a) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ từ Quỹ Trung ương;

b) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, đồng thời chịu sự kiểm tra giám sát của Quỹ Trung ương đối với nguồn vốn do Quỹ Trung ương hỗ trợ.

2. Đối với Quỹ cấp dưới:

- a) Hỗ trợ kinh phí cho Quỹ cấp dưới (huyện, xã) nếu có;
- b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng nguồn kinh phí do Quỹ hỗ trợ đối với các cơ quan cấp dưới;
- c) Hướng dẫn, trao đổi kinh nghiệm về nghiệp vụ quản lý Quỹ với cấp dưới.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Điều 25. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo cơ chế đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định do Bộ Tài chính và các quy định do UBND tỉnh ban hành;
2. Bộ máy kế toán của Quỹ phải được tổ chức theo đúng các quy định của luật kế toán;
3. Chế độ kiểm toán: Thực hiện việc kiểm toán theo quy định của pháp luật.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 26. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 27. Tổ chức lại, sáp nhập, giải thể, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ

1. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc tổ chức lại, giải thể Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ đề nghị UBND tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật;

2. Sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ

Việc sáp nhập, thành lập mới các đơn vị, phòng ban, ban nghiệp vụ thuộc Bộ máy điều hành của Quỹ do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được UBND tỉnh phê duyệt.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát, Giám đốc Quỹ và các Sở, Ngành, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này;

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc hoặc chưa phù hợp với thực tế, quy định hiện hành; các ngành, các cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Quỹ để tổng hợp, báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, trình UBND tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung kịp thời./

[Handwritten mark]

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Viét Hồng

